

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **828/2024/DS-ST**

Ngày: 27 – 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Cảnh; Ông Thái Văn Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đào Văn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 và ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 05 năm 2024. Về việc “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 513/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 602/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: Số B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số E - 05B, tỉnh lộ 8, khu phố A, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn X (Xin vắng mặt)

* Bị đơn: Ông Bùi Ngọc Đ, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số C L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày: Khách hàng Bùi Ngọc Đ và Nguyễn Thị L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh C – P, chi tiết như sau:

1. HĐTD từng lần số 202226729193 ngày 28/07/2022 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung HĐTD số 01/202327140523 ngày 26/06/2023.

Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ đồng)

Thời hạn vay: 2 năm

Thời điểm trả hết nợ vay: 26/06/2024

2. Thẻ tín dụng 472074-2585 cấp cho Bùi Ngọc Đ ngày 19/11/2022

Hạn mức thẻ tín dụng: 500.000.000 đồng (trong đó bao gồm dư nợ thẻ tín dụng 3418204594 là 182.042.409 đồng và dư nợ Vay tiêu dùng 3134566755 là 187.525.992 đồng).

3. Thẻ tín dụng 472074-4746 cấp cho Nguyễn Thị L ngày 19/10/2022.

Hạn mức thẻ tín dụng: 500.000.000 đồng (trong đó bao gồm dư nợ thẻ tín dụng 3834591277 là 177.558.527 đồng và dư nợ Vay tiêu dùng 3404411773 là 213.351.992 đồng)

Biện pháp bảo đảm: Thẻ chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS22066 do Sở T1 cấp ngày 01/07/2022, đã cập nhật thay đổi người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 27/07/2022 cho Ông Bùi Ngọc Đ đứng tên thuộc Thửa đất số 511 tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại Xã B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do khách hàng Bùi Ngọc Đ và Nguyễn Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 03/03/2024 Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh C đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 13/03/2024, khách hàng Bùi Ngọc Đ và Nguyễn Thị L còn nợ các khoản sau:

S T T	Diễn giải	Vốn	Lãi	Lãi quá hạn	Lãi phạt	Cộng
1	HDTD 202226729193	5.000.000.000	61.917.806	135.261	-	5.062.045.465
2	Thẻ tín dụng 472074-2585	369.568.401	-	-	-	369.568.401
3	Thẻ tín dụng 472074-4746	390.910.519	-	-	-	390.910.519
	Tổng cộng:	5.760.478.920	61.917.806	135.261	-	5.822.524.385

(Bằng chữ: Năm tỷ tám trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng)

Do đó, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh C - P kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Tuyên buộc khách hàng Bùi Ngọc Đ và Nguyễn Thị L phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền là 5.822.524.385 đồng (Bằng chữ. Năm tỷ tám trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng), trong đó:

+ HDTD từng lần số 202226729193 ngày 28/07/2022 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung HDTD số 01/202327140523 ngày 26/06/2023: Nợ gốc: 5.000.000.000vnd, L1+ Lãi phạt: 62.053.066vnd.

+ Thẻ tín dụng 472074-2585 cấp cho Bùi Ngọc Đ ngày 19/11/2022: Nợ gốc: 369.568.401vnd.

+ Thẻ tín dụng 472074-4746 cấp cho Nguyễn Thị L ngày 19/10/2022: Nợ gốc: 390.910.519vnd.

Và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân.

2. Trong trường hợp khách hàng Bùi Ngọc Đ và Nguyễn Thị L không trả được nợ, cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

3. Ngăn chặn khách hàng Bùi Ngọc Đ và Nguyễn Thị L tạm hoãn xuất cảnh cho đến khi Quý Tòa đưa ra quyết định Thi hành án và Ngân hàng thu hồi nợ theo đúng quy định.

4. Yêu cầu khách hàng ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

5. Trường hợp sau khi Cơ quan có thẩm quyền tổ chức phát mãi, bán tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì khách hàng Bùi Ngọc Đ và Nguyễn Thị L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu. Kính đề nghị Quý Tòa xem xét, tạo điều kiện để Ngân hàng thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2024, ông Đào Văn X là đại diện ủy quyền của Ngân hàng TMCP S có Bản tự khai yêu cầu ông Đ và L phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ và lãi như sau:

1/ HĐTD từng lần số 202226729193 ngày 28/07/2022 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung HĐTD số 01/202327140523 ngày 26/06/2023 ông Đ và bà L còn nợ gốc: 5.000.000.000 đồng, nợ lãi: 205.260.275 đồng; Lãi quá hạn: 185.116.437 đồng; Lãi phạt: 8.546.437 đồng. Tổng cộng là 5.398.922.882 (năm tỷ ba trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi hai nghìn tám trăm tám mươi hai) đồng.

2/ - Thẻ tín dụng (472074-2585) 3418204549 cấp cho Bùi Ngọc Đ ngày 19/11/2022: Nợ vốn: 197.724.227 đồng; Lãi quá hạn: 23.441.346 đồng. Tổng cộng là 221.165.573 đồng.

- Vay tiêu dùng 3134566755 ngày 25/12/2022 Nợ vốn: 205.829.992 đồng; Lãi quá hạn: 26.071.620 đồng. Tổng cộng là 231.901.612 đồng.
Cộng 02 khoản ông Đ phải trả số tiền là 453.067.185 (Bốn trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm tám mươi lăm) đồng.

3/ Thẻ tín dụng (472074-4746) 3834591277 cấp cho Nguyễn Thị L ngày 19/10/2022: Nợ vốn: 187.886.613 đồng; Lãi quá hạn: 28.728.564 đồng. Tổng cộng là 216.615.177 đồng.

- Vay tiêu dùng 3404411773 ngày 25/12/2022 Nợ vốn: 222.503.992 đồng; Lãi quá hạn: 46.366.650 đồng. Tổng cộng là 268.870.642 đồng.
Cộng 02 khoản bà L phải trả số tiền là 485.485.819 (Bốn trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm mười chín) đồng.

Và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân.

Bị đơn ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ, bà L đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không giao nộp tài liệu chứng cứ khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về chấp hành pháp luật của đương sự, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định yêu cầu khởi kiện và thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn có thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S (S1) khởi kiện ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L tranh chấp về hợp đồng tín dụng vay tiền thông qua hợp đồng tín dụng, hình thức sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn vay tiền sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn có thể chấp bất động sản tọa lạc tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo việc thi hành án nên Tòa án nhân dân huyện Củ Chi có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do giao dịch xác lập vào thời điểm Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có người đại diện hợp pháp có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Căn cứ đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) khởi kiện ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L tranh chấp về hợp đồng tín dụng vay tiền tiêu dùng cá nhân. Thông báo thụ lý vụ án xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện đã được Tòa án tổng đạt cho bị đơn có ký tên xác nhận đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng đến hết thời hạn được thông báo bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ.

[2.2] Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó có căn cứ hợp pháp. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Từ những căn cứ trên, bị đơn ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, không có ý kiến phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu thu thập được để xét xử vụ án là phù hợp pháp luật.

[2.3] Căn cứ tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn có thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện tại Bản tự khai ngày 25/9/2024 được xác định như sau:

2.3.1/ HĐTD từng lần số 202226729193 ngày 28/07/2022 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung HĐTD số 01/202327140523 ngày 26/06/2023 ông Đ và bà L còn nợ gốc: 5.000.000.000 đồng, nợ lãi: 205.260.275 đồng; Lãi quá hạn: 185.116.437 đồng; Lãi phạt: 8.546.437 đồng. Tổng cộng là 5.398.922.882 (năm tỷ ba trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi hai nghìn tám trăm tám mươi hai) đồng.

2.3.2/ - Thẻ tín dụng (472074-2585) 3418204549 cấp cho Bùi Ngọc Đ ngày 19/11/2022: Nợ vốn: 197.724.227 đồng; Lãi quá hạn: 23.441.346 đồng. Tổng cộng là 221.165.573 đồng.

- Vay tiêu dùng 3134566755 ngày 25/12/2022 Nợ vốn: 205.829.992 đồng; Lãi quá hạn: 26.071.620 đồng. Tổng cộng là 231.901.612 đồng.
Cộng 02 khoản ông Đ phải trả số tiền là 453.067.185 (Bốn trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm tám mươi lăm) đồng.

2.3.3/ - Thẻ tín dụng (472074-4746) 3834591277 cấp cho Nguyễn Thị L ngày 19/10/2022: Nợ vốn: 187.886.613 đồng; Lãi quá hạn: 28.728.564 đồng. Tổng cộng là 216.615.177 đồng.

- Vay tiêu dùng 3404411773 ngày 25/12/2022 Nợ vốn: 222.503.992 đồng; Lãi quá hạn: 46.366.650 đồng. Tổng cộng là 268.870.642 đồng.

Cộng 02 khoản bà L phải trả số tiền là 485.485.819 (Bốn trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm mười chín) đồng.

Do đó, có căn cứ xác định ông Đ, bà L phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2024 như các khoản nợ và lãi nêu trên.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy ông Đ và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi nên bên cho vay là Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà L trả toàn bộ số tiền vốn, lãi vay còn nợ của các Hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 26/9/2024 ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L tiếp tục chịu tiền lãi, lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng, các Hợp đồng sử dụng thẻ nêu trên và các thỏa thuận khác đã ký cho đến khi ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L thanh toán hết các khoản nợ nêu trên.

Trường hợp, ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP S (S1) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm cho các khoản vay là: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS22066 do Sở T1 cấp ngày 01/07/2022, đã cập nhật thay đổi người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 27/07/2022 cho Ông Bùi Ngọc Đ đứng tên thuộc Thửa đất số 511 tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại Xã B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi Cơ quan có thẩm quyền tổ chức phát mãi, bản tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Xét thấy, Ngân hàng TMCP S (S1) có thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 25/9/2024, về việc:

- Ngăn chặn khách hàng Bùi Ngọc Đ và Nguyễn Thị L tạm hoãn xuất cảnh để đảm bảo việc Thi hành án.

- Yêu cầu ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ và lãi của thẻ tín dụng cá nhân.

Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu đã thay đổi rút một phần đơn khởi kiện này theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nhận thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chi phí tố tụng là 5.000.000 (Năm triệu) đồng, ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) theo Phiếu thu số TDG054 ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 71, Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) về việc đòi ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L trả tiền vốn vay và tiền lãi.

Buộc ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) tiền vốn và tiền lãi của các Hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng như sau:

1.1/ Ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L cùng có trách nhiệm phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) nợ gốc: 5.000.000.000 đồng, nợ lãi: 205.260.275 đồng; Lãi quá hạn: 185.116.437 đồng; Lãi phạt: 8.546.437 đồng. Tổng cộng số tiền là 5.398.922.882 (Năm tỷ ba trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi hai nghìn tám trăm tám mươi hai) đồng.

1.2/ Ông Bùi Ngọc Đ có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) số tiền là 453.067.185 (Bốn trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm tám mươi lăm) đồng.

1.3/ Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) số tiền là 485.485.819 (Bốn trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm mười chín) đồng.

Kể từ ngày 26/9/2024 ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L tiếp tục chịu tiền lãi, lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng, các Hợp đồng sử dụng thẻ nêu trên và các thỏa thuận khác đã ký cho đến khi ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L thanh toán hết các khoản nợ nêu trên.

Trường hợp, ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP S (S1) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm cho các khoản vay là: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS22066 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố H cấp ngày 01/07/2022, đã cập nhật thay đổi người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 27/07/2022 cho ông Bùi Ngọc Đ đứng tên thuộc Thửa đất số 511 tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại Xã B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi Cơ quan có thẩm quyền tổ chức phát mãi, bán tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

2/ Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu nguyên đơn đã thay đổi rút một phần đơn khởi kiện, về việc ngăn chặn ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L tạm hoãn

xuất cảnh để đảm bảo việc Thi hành án và yêu cầu ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ và lãi của thẻ tín dụng cá nhân.

3/ Về án phí: Ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 113.398.923 (Một trăm mười ba triệu ba trăm chín mươi tám nghìn chín trăm hai mươi ba) đồng.

- Ông Bùi Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.122.687 (Hai mươi hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi bảy) đồng.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.419.433 (Hai mươi ba triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm ba mươi ba) đồng.

- Ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L phải hoàn lại số tiền chi phí tố tụng là 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) theo Phiếu thu số TDG054 ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) số tiền tạm ứng án phí 9.772.763 (Chín triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi ba) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0019183; số tiền tạm ứng án phí 9.239.210 (Chín triệu hai trăm ba mươi chín nghìn hai trăm mười) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0019184 và số tiền tạm ứng án phí 56.531.026 (Năm mươi sáu triệu năm trăm ba mươi một nghìn không trăm hai mươi sáu) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0019185 đồng cùng ngày 06/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Liêm

